

Bản án số: 190/2024/KDTM-PT

Ngày 24/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Sơn

**Các Thẩm phán:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 17/4, 18/6 và 17/7 và 24/7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 72/2024/TLPT-KDTM ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 123/2023/KDTM-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Công ty MT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn QT, xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông LTL – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông PQH. Địa chỉ: Thôn ĐN, xã TH, huyện YL, tỉnh VP. Địa chỉ liên hệ: số 39 PVT, phường LB, thành phố VY, tỉnh VP; có mặt

+ Ông THT - Cán bộ Công ty; có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông VTH, Luật sư của Công ty Luật AB, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: PVT, phường LB, thành phố VY, tỉnh VP; có mặt

**- Bị đơn: Công ty B**

Địa chỉ: phố HDD, phường ND, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông NTD - Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LVS; ông NMH; ông NKT; có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01/10/2014, Công ty B và Doanh nghiệp MT đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐTCXD-BOT19 về việc thi công gói thầu: XL01 thi công Km17+027 - Km21+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131 + 300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

- Nội dung và khối lượng công việc: thực hiện thi công xây dựng công trình gói thầu XL01 thi công Km17+027 - Km21+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131 + 300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT ...

- Thời gian thực hiện hợp đồng:

+ Ngày khởi công là ngày bên A bàn giao cọc, mốc, mặt bằng một phần gói thầu, công trình hoặc toàn bộ gói.

+ Ngày hoàn thành: 31/7/2015.

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

- Giá hợp đồng: 80.401.342.000 đồng.

Ngày 31/07/2015 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 02; Ngày 08/10/2016 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 03; Ngày 09/6/2017 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 04.

Theo phân trình bày của nguyên đơn, tổng giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng sau khi điều chỉnh là: 76.395.967.500 đồng. Công ty B đã thanh toán số tiền: 70.403.110.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là: 5.992.857.500 đồng.

Ngày 06/01/2016 Công ty B và Doanh nghiệp MT ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐTCXD-BOT19 thi công phần khối lượng cắt giảm thuộc gói thầu XL12A: Thi công KM17+027 – KM50+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 19 đoạn KM17+027 – KM50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn KM108+00 – KM131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

- Nội dung công việc: thi công xây dựng công trình phần khối lượng cắt giảm thuộc gói thầu XL12A: Thi công KM17+027 – KM50+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 19 đoạn KM17+027 – KM50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn KM108+00 – KM131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: ngày hoàn thành xong trước ngày 20/02/2016.

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

- Giá hợp đồng: 1.846.022.000 đồng.

Theo nguyên đơn trình bày, số tiền Công ty B đã thanh toán là: 1.610.411.000. Số tiền Công ty B còn phải thanh toán là: 153.108.000 đồng.

Ngày 10/3/2016 Công ty B và Doanh nghiệp MT ký kết hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐKT-SC gói thầu: sửa chữa hư hỏng mặt đường gói thầu tổ hợp XL05 và XL 06. Nội dung hợp đồng:

- Đối tượng: thực hiện việc thi công sửa chữa hư hỏng mặt đường, dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17+027 – Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT.

- Tổng giá trị hợp đồng: 2.681.424.000 (làm tròn).

Theo nguyên đơn, tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 3.950.926.000 đồng. Công ty B chưa thanh toán.

Ngày 16/3/2016, Công ty B và Doanh nghiệp MT ký Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT-SC gói thầu: sửa chữa hư hỏng mặt đường gói thầu tổ hợp XL05 và XL06.

- Đối tượng: thi công sửa chữa hư hỏng mặt đường, dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17+027-Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131+300 trên địa bàn địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT.

- Tổng giá trị hợp đồng: 2.681.424.000 đồng (làm tròn).

Theo nguyên đơn, tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 2.547.353.000 đồng. Công ty B chưa thanh toán.

Ngày 20/3/2016, Công ty B và Doanh nghiệp MT đã ký hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐKT-SC gói thầu sửa chữa hư hỏng mặt đường gói thầu XL12A.

- Đối tượng: thực hiện việc thi công sửa chữa hư hỏng mặt đường, dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17+027 – Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT.

- Tổng giá trị hợp đồng: 1.195.891.000 đồng (làm tròn)

Theo nguyên đơn, tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 1.136.096.000 đồng. Công ty B chưa thanh toán.

Ngoài ra, nguyên đơn còn thực hiện phần sửa chữa của gói thầu số 02 do Công ty ĐT thi công. Khi thi công xong các gói trên thì phần gói XL02 của Công ty ĐT cũng bị hư hỏng, nhằm khắc phục kịp thời đảm bảo cho công tác thu phí nên Công ty B đã chỉ đạo nguyên đơn sửa chữa và khối lượng sửa chữa đã được Tư vấn giám sát, kỹ thuật của chủ đầu tư ký xác nhận. Trên cơ sở đó, nguyên đơn đã lên phiếu giá thanh toán theo đơn thanh toán là 1.859.218.000 đồng. Đối với phần giá trị này, Công ty B chưa thanh toán.

Do Công ty B chưa thanh toán các khoản tiền nêu trên nên Công ty MT (trước đây là Doanh nghiệp MT) khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty MT tổng số tiền 15.639.558.500 đồng.

***Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:***

Bị đơn khẳng định có ký kết 05 hợp đồng với nguyên đơn, trong đó có hợp đồng 01/2014 và hợp đồng 01/2016 đã hoàn thiện hồ sơ thanh toán và đã được thanh toán phần lớn tiền, bị đơn căn cứ vào hợp đồng chỉ giữ lại phần tiền nhằm bảo đảm việc bảo hành, tuy nhiên sau khi đưa công trình vào sử dụng hai công trình trên thì đường có nhiều hư hỏng, bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn sửa chữa nhưng nguyên đơn không sửa chữa nên không thể thanh lý hợp đồng và không có căn cứ thanh toán trả nguyên đơn số tiền trên. Đối với 03 gói thầu còn lại, nguyên đơn chưa hoàn thiện các giấy tờ cần thiết, không làm hồ sơ thanh toán, chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên bị đơn không có cơ sở thanh toán. Riêng gói thầu cuối mà nguyên đơn nêu ra do Công ty CP ĐT. thi công và yêu cầu thanh toán là 1.859.218.000 đồng, phía Công ty B không có hợp đồng nào như vậy, đề nghị Tòa xem xét.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

\* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nguyên đơn toàn bộ 2 Hợp đồng và 4 gói thầu với tổng cộng số tiền nợ gốc là 15.639.558.500 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng số 01-2014/01.10.2014: Giá trị hợp đồng 76.395.967.500<sup>d</sup>; Đã thanh toán: 70.403.110.000<sup>d</sup>; Còn nợ: 5.992.857.500<sup>d</sup>

- Hợp đồng số 01-2016/06.01.2016; Giá trị thanh toán: 1.763.519.000<sup>d</sup>; Đã thanh toán 1.610.411.000<sup>d</sup>; Còn nợ: 153.108.000<sup>d</sup>

- Gói thầu 01-2016/10.3.2016; Giá trị hợp đồng : 2.227.572.000đ ; Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 3.950.926.000<sup>d</sup>

- Gói thầu 02-2016/16.3.2016; Giá trị thanh toán: 2.681.424.000đ ; Nguyên đơn yêu cầu thanh toán 2.547.353.000<sup>d</sup>

- Gói thầu 03-2016/20.3.2016; Giá trị hợp đồng: 1.195.891.000đ; Nguyên đơn yêu cầu thanh toán: 1.136.096.000<sup>d</sup>

- Gói thầu (không có hợp đồng): Nguyên đơn yêu cầu thanh toán 1.859.218.000<sup>d</sup>

Yêu cầu buộc bị đơn trả tổng số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 15.639.558.500 đồng là 12.776.543.693 đồng.

\* Bị đơn đề nghị Tòa không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì nguyên đơn chưa có hồ sơ thanh toán nên bị đơn không có cơ sở để thanh toán. Bị đơn đề nghị xem xét việc bị đơn đã trả 71 tỷ đồng của Hợp đồng số 01-2014 ngày 01.10.2014.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 123/2023/KDTM-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội đã xử:*

*Căn cứ:*

*- Điều 107, 108 Luật Xây dựng 2003*

*- Điều 139, 141, 144 Luật xây dựng 2014;*

*- Điều 306 Luật Thương mại;*

*- Điều 385, 398, 401, 403 Điều 357, Điều 440, 472, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.*

*- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*- Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Xử:*

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty MT khởi kiện đối với Công ty B.*

2. *Xác nhận Công ty B nợ và buộc Công ty B thanh toán trả Công ty MT số tiền 6.145.965.500 đồng (sáu tỷ, một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi năm nghìn, năm trăm đồng), cụ thể:*

- *Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐTCXD-BOT19 ngày 01/10/2014 là 5.992.857.500 (năm tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.*

- *Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐTCXD-BOT19 là 153.108.000 (một trăm năm mươi ba triệu, một trăm không tám nghìn) đồng.*

3. *Dành quyền khởi kiện cho Công ty MT đối với 04 gói thầu: 01/2016/HĐKT-SC ngày 10/3/2016; Gói thầu 02/2016/ HĐKT-SC ngày 16/3/2016; Gói thầu 03/2016/ HĐKT-SC ngày 20/3/2016; Gói thầu (không có hợp đồng) mà nguyên đơn yêu cầu thanh toán 1.859.218.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc của các hợp đồng trên khi đủ căn cứ và có yêu cầu.*

*Án phí: Hoàn trả Công ty MT số tiền 61.900.000 (sáu mươi một triệu, chín trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015519 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ. Công ty B phải chịu 114.145.965 (một trăm mười bốn triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi lăm) đồng án phí kinh doanh thương mại (chưa nộp).*

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

*Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

*Không đồng ý với bản án sơ thẩm,*

*Công ty MT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ giá trị và số tiền chậm trả của các gói thầu để tránh gây thiệt hại và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán của 6 gói thầu là 28.395.501.576 đồng. Trong đó tiền gốc của 6 gói thầu là 15.639.558.500 đồng, tiền lãi của 6 gói thầu là 12.755.943.076 đồng.*

Công ty B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số công nợ theo hợp đồng số 01/2014/HĐTCXD-BOT19 ngày 01/10/2014 là 5.992.857.500 đồng, hợp đồng số 01/2016/HĐTCXD-BOT19 ngày 06/01/2016 là 153.108.000 đồng, án phí bị đơn phải chịu là 114.145.965 đồng.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Nguyên đơn rút một phần kháng và một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến 4 gói thầu sửa chữa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận gốc và lãi của hai hợp đồng số 01/2014 và số 01/2016. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong thời gian bảo hành công trình nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bị đơn đã phải thuê các nhà thầu khác vào sửa chữa bảo hành với tổng số tiền là 431.793.252 đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:***

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi chậm trả số tiền chưa thanh toán đối với hai hợp đồng số 01/2014 và số 01/2016 là 4.485.482.507 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu đối trừ số tiền 431.793.252 đồng là giá trị hư hỏng và phải sửa chữa trong thời gian bảo hành của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đối trừ 431.793.252 đồng tiền sửa chữa công trình mà bị đơn đã thuê các đơn vị khác thi công. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 04 gói thầu sửa chữa do nguyên đơn đã rút phần yêu cầu khởi kiện này tại phiên tòa phúc thẩm. Án phí: nguyên đơn, bị đơn được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty MT và đơn kháng cáo của Công ty B được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty MT với Công ty B phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty B có địa chỉ tại phố HDD, phường ND, quận DD, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận DD, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] – Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 01/10/2014, Công ty B và Doanh nghiệp MT (nay là Công ty MT) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐTCXD-BOT19 về việc thi công gói thầu: XL01 thi công Km17+027 - Km21+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 – Km131 + 300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT. Ngày 31/07/2015 hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số 02; Ngày 08/10/2016 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 03; Ngày 09/6/2017 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 04. Tổng giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng sau khi điều chỉnh là: 76.395.967.500 đồng. Công ty B đã thanh toán số tiền: 70.403.110.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là: 5.992.857.500 đồng.

Ngày 06/01/2016 Công ty B và Doanh nghiệp MT ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐTCXD-BOT19 thi công phần khối lượng cắt giảm thuộc gói thầu XL12A: Thi công KM17+027 – KM50+00 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 19 đoạn KM17+027 – KM50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn KM108+00 – KM131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT. Số tiền Công ty B đã thanh toán là: 1.610.411.000. Số tiền Công ty B còn phải thanh toán là: 153.108.000 đồng.

Án sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền của hợp đồng số 01/2014 và các phụ lục hợp đồng kèm theo là 5.992.857.500 đồng và hợp đồng số 01/2016 là 153.108.000 đồng và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc trong hai hợp đồng số 01/2014 và số 01/2016, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi Công ty MT thi công xong các công trình theo hợp đồng số



01/2014 và số 01/2016. Các bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng với thời hạn bảo hành là 42 tháng. Trong thời gian bảo hành, các công trình trên đã xảy ra sự cố hỏng hóc cần phải sửa chữa và đã được bị đơn thông báo cho nhà thầu biết để bảo hành công trình, nhưng nguyên đơn không thực hiện việc bảo hành công trình, vi phạm các Điều 34, Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, nên Công ty B phải thuê các đơn vị khác đến sửa chữa khắc phục với tổng giá trị là 431.793.252 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng đồng ý đối trừ số tiền này vào khoản nợ gốc mà Công ty B chưa thanh toán cho Công ty MT. Như vậy, Công ty MT đã vi phạm nghĩa vụ bảo hành trong hợp đồng. Chính sự vi phạm này của Công ty MT khiến Công ty B chưa thanh toán hết số tiền còn lại nên án sơ thẩm không buộc Công ty B phải trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty MT là có căn cứ, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty MT.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút một phần kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện và được bị đơn chấp nhận đối với: Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐKT-SC ngày 10/3/2016: Tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 3.950.926.000 đồng; Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT-SC ngày 16/3/2016: Tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 2.547.353.000 đồng; Hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐKT-SC ngày 20/3/2016: Tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 1.136.096.000 đồng; Sửa chữa phần gói thầu XL02 của ĐT: Phiếu giá thanh toán theo đơn thanh toán là 1.859.218.000 đồng. Nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đối trừ số tiền mà Công ty B đã thuê nhà thầu khác thực hiện công tác sửa chữa bảo hành công trình với tổng chi phí sửa chữa là 431.793.252 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là: 5.992.857.500 đồng + 153.108.000 đồng - 431.793.252 đồng = 5.714.172.248 đồng.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Án sơ thẩm không tuyên: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” là thiếu sót, nên sửa lại.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty MT, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty B, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên Công ty MT và Công ty B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

***Từ những nhận định trên.***

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 403; Điều 357; Điều 440; Điều 472; Điều 688 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 107; Điều 108; Điều 139; Điều 141; Điều 144 của Luật Xây dựng

Áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty MT
- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty B
- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 123/2023/KDTM-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty MT đối với Công ty B.

**2.** Buộc Công ty B phải thanh toán trả Công ty MT tổng số tiền là 5.714.172.248 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty MT đối với 04 gói thầu: gói thầu 01/2016/HĐKT-SC ngày 10/3/2016; gói thầu 02/2016/HĐKT-

SC ngày 16/3/2016; gói thầu 03/2016/HĐKT-SC ngày 20/3/2016; gói thầu (không có hợp đồng) mà nguyên đơn yêu cầu thanh toán 1.859.218.000 đồng.

#### **4. Về án phí sơ thẩm**

- Hoàn trả Công ty MT 61.800.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015519 ngày 28/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

- Công ty B phải chịu 113.714.172 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

#### **5. Về án phí phúc thẩm:**

- Hoàn trả Công ty MT số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019090 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

- Hoàn trả Công ty B số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019089 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận ĐĐ, tp Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thái Sơn**